TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11/6/2018.
" V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đặng Thanh Cao.

Ông: Đặng Văn Hai.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thái Vân An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp *tham gia phiên tòa*: Bà Đinh Thúy Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 312/2016/TLST-HNGĐ, ngày 24/10/2016, về " V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 06 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị Thúy O, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: 147, ấp T, xã T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Lê Hữu Th, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: 157, ấp T, xã T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị M, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: 157, ấp T, xã T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Lai Vung.

Đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Thị S – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/09/2016, các tờ tường trình, các phiên họp và hòa giải, cũng như tại phiên toà nguyên đơn chị Trần Thị Thúy O trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Th sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2005 nhưng không có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường cự cải với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đến tháng 01/2016 chị về nhà cha mẹ ruột sống đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Về con chung: có 01 người con chung tên Lê Trần Đăng Kh, sinh ngày 20/9/2006, hiện nay chị O đang nuôi con, chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng ½ tháng lương do nhà nước quy định, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2018 đến khi đủ Lê Trần Đăng Kh đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vào ngày 29/9/2016 chị O yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm:

+ Diện tích 1.887,5m2, thửa 169 trị giá 350.000.000đ; Diện tích 330,5m2 thửa 88, tờ bản đồ 27 tọa lạc tại xã T, trên đất có căn nhà ngang 7m dài 15m trị giá 130.000.000đ;

+ 17 chỉ vàng 24k cố đất của bà Nguyễn Thị M giá 58.000.000đ;

+ Thuê 1.300m2 đất của bà M trồng cam giá 350.000.000đ;

+ Máy dầu và thiết bị xịt quýt giá 27.000.000đ;

+ 01 xe Airblack giá 40.000.000đ;

+ 01 xe Dream giá 16.000.000đ;

+ 02 tấn sắt giá 36.000.000đ;

+ 02 ti vi 01 đầu đĩa giá 6.600.000đ;

+ 01 tủ lạnh giá 4.000.000đ;

+ 01 tủ áo giá 3.000.000đ.

Tổng cộng tài sản trị giá 999.000.000đ, chị O yêu cầu được hưởng diện tích 330,5m2 thửa 88, tờ bản đồ 27 tọa lạc tại xã T, trên đất có căn nhà ngang 7m dài 15m trị giá 130.000.000đ; 01 xe Airblack giá 40.000.000đ và giá trị tài 329.500.000đ, số tài sản còn lại chị O giao cho anh Th sở hữu. Đến ngày 13/4/2018 và hiện nay chị O yêu cầu xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản trên, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Về nợ chung: Chị O không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh Lê Hữu Th trình bày:

Về hôn nhân: Anh Th thống nhất lời trình bày của chị O, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Th đồng ý cho chị O tiếp tục nuôi Lê Trần Đăng Kh, sinh ngày 20/9/2006, anh Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng ½ tháng lương do nhà nước quy định, thời gian tính từ tháng 6/2018 đến khi Lê

Trần Đăng Kh đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa chị O rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, anh Th thống nhất việc chị O rút yêu cầu này và anh Th cũng không yêu cầu chia tài sản chung.

Về nợ chung: Anh Th không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà M và anh Th có thế chấp đối với các thửa đất 169, tờ bản đồ số 19; thửa 88, tờ bản đồ số 27 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Lai Vung để vay số tiền 650.000.000đ, nay Th và O ly hôn bà M không có ý kiến và không có yêu cầu gì.

Đối với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Lai Vung có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng trình bày tại Công văn số 108, ngày 18/5/2017: Ngân hàng có cho anh Th và bà M vay thế chấp với số tiền 650.000.000đ. Nay anh Th và chi O ly hôn ngân hàng không có ý kiến và không yêu cầu gì đối với anh Th, chị O và bà M

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần thị Thúy O yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hữu Th, yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi 01 cháu Lê Trần Đăng Kh, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị O không yêu cầu giải quyết, các yêu cầu khởi kiện của chị O là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào kết quả thẩm vấn công khai đối với nguyên đơn tại phiên tòa, trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, đồng thời xem xét tình trạng hôn nhân giữa các đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

Về hôn nhân: Xét thấy chị O và anh Th sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2005 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc nên chị O yêu cầu được ly hôn với anh Th. Xét thấy chị O và anh Th không có đăng ký kết hôn đã vi phạm vào điều 9 của Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Chị O và anh Th có 01 người con chung tên Lê Trần Đăng Kh, sinh ngày 20/9/2006, anh Th đồng ý cho chị O tiếp tục nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng ½ tháng lương do nhà nước quy định, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2018 cho đến khi Lê Trần Đăng Kh đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung:

+ Diện tích 1.887,5m2, thửa 169 trị giá 350.000.000đ; Diện tích 330,5m2 thửa 88, tờ bản đồ 27 tọa lạc tại xã T, trên đất có căn nhà ngang 7m dài 15m trị giá 130.000.000đ;

+ 17 chỉ vàng 24k cố đất của bà Nguyễn Thị M giá 58.000.000đ;

+ Thuê 1.300m2 đất của bà M trồng cam giá 350.000.000đ;

+ Máy dầu và thiết bị xịt quýt giá 27.000.000đ;

+ 01 xe Airblack giá 40.000.000đ;

+ 01 xe Dream giá 16.000.000đ;

+ 02 tấn sắt giá 36.000.000đ;

+ 02 ti vi 01 đầu đĩa giá 6.600.000đ;

+ 01 tủ lạnh giá 4.000.000đ;

+ 01 tủ áo giá 3.000.000đ.

Tổng cộng tài sản trị giá 999.000.000đ, chị O yêu cầu được hưởng diện tích 330,5m2 thửa 88, tờ bản đồ 27 tọa lạc tại xã T, trên đất có căn nhà ngang 7m dài 15m trị giá 130.000.000đ; 01 xe Airblack giá 40.000.000đ và giá trị tài 329.500.000đ, số tài sản còn lại chị O giao cho anh Th sở hữu. Đến ngày 13/4/2018 và tại phiên tòa chị O yêu cầu xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản trên, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Anh Th cũng không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nên HĐXX không xem xét và đình chỉ yêu cầu này của chị O là phù hợp tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nợ chung: Chị O và anh Th không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Bà Nguyễn Thị M cho rằng hiện nay bà và anh Th có vay tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Lai Vung 650.000.000đ, bà M không yêu cầu gì đối với anh Th chị O nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Lai Vung có cho anh Th và bà M vay thế chấp với số tiền 650.000.000đ. Nay anh Th và chi O ly hôn ngân hàng không có ý kiến và yêu cầu gì đối với anh Th, chị O và bà M nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình theo Điều 147 BLTTDS và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, khoản 2

Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị Thúy O và anh Lê Hữu Th là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Thúy O được tiếp tục nuôi Lê Trần Đăng Kh, sinh ngày 20/9/2006, anh Lê Hữu Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng ½ tháng lương do nhà nước quy định, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2018 đến khi Lê Trần Đăng Kh đủ 18 tuổi.

Chị Trần Thị Thúy O cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Lê Hữu Th trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi đưỡng, giáo dục con chung khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung gồm:

+ Diện tích 1.887,5m2, thửa 169 trị giá 350.000.000đ; Diện tích 330,5m2 thửa 88, tờ bản đồ 27 tọa lạc tại xã T, trên đất có căn nhà ngang 7m dài 15m trị giá 130.000.000đ;

+ 17 chỉ vàng 24k cố đất của bà Nguyễn Thị M giá 58.000.000đ;

+ Thuê 1.300m2 đất của bà M trồng cam giá 350.000.000đ;

+ Máy dầu và thiết bị xịt quýt giá 27.000.000đ;

+ 01 xe Airblack giá 40.000.000đ;

+ 01 xe Dream giá 16.000.000đ;

+ 02 tấn sắt giá 36.000.000đ;

+ 02 ti vi 01 đầu đĩa giá 6.600.000đ;

+ 01 tủ lạnh giá 4.000.000đ;

+ 01 tủ áo giá 3.000.000đ.

Tổng cộng tài sản trị giá 999.000.000đ.

4. Về án phí và tạm ứng án phí:

Chị Trần Thị Thúy O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 05961, ngày 24/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Hoàn trả cho chị Trần Thị Thúy O 12.518.000đ (Mười hai triệu năm trăm mười tám ngàn đồng) đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: 05960, ngày 24/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Chị O tự nguyện chịu 3.047.000đ (ba triệu không trăm bốn mươi bảy ngàn đồng) chi phí thẩm định và định giá (đã nộp xong).

Anh Th phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 11/6/2018). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- UBND xã (Thị Trấn);
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thị Hoa Lư